TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN SI MA CAI** **TỈNH LÀO CAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tư do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 10-8-2018
V/v: *" Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"*.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SI MA CAI - TỈNH LÀO CAI

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Bình Trọng
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Ngô Tiến Sơn;
2. Bà Vàng Thị Mai.
- ***Thư ký phiên toà***: Ông Phan Hồng Quân - Thư ký Toà án nhân dân huyện Si Ma Cai, tỉnh Lào Cai.
- ***Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Si Ma Cai, tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa***: Ông Trần Văn Hùng - Kiểm sát viên.
Ngày 10 tháng 8 năm 2018 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Si Ma Cai, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 10/2018/TLST-HNGĐ, ngày 12 tháng 6 năm 2018 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2018/QĐXXST-HNGĐ, ngày 26 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:
1. Nguyên đơn: Chị Giàng Thị D sinh năm 1980.
Địa chỉ nơi cư trú: Thôn P, xã S, huyện S, tỉnh Lào Cai - Có mặt.
Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn Hà-Trợ giúp viên pháp lý công tác tại Chi nhánh trợ giúp pháp lý số 1 thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lào Cai - Có mặt.
2. Bị đơn: Anh Giàng A C, tên gọi khác Ngải Seo C sinh năm 1980.
Địa chỉ nơi cư trú: Thôn P, xã S, huyện S, tỉnh Lào Cai – Vắng mặt.
3. Người làm chứng: Chị Giàng Thị D1 sinh năm 1976.
Địa chỉ nơi cư trú: Thôn P, xã S, huyện S, tỉnh Lào Cai – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Tại đơn khởi kiện đề ngày 09/6/ 2018, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Giàng Thị D trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị D và anh C về chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1999, trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán của

địa phương, đến ngày 02/11/2001 anh chị mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Si Ma Cai, huyện Si Ma Cai theo quy định của pháp luật (đăng ký quá hạn). Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2004 thì vợ chồng chị bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là từ khi vợ chồng chuyển đến thôn Nà Hậu, xã Nà Hậu, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái làm ăn, sinh sống, trong quá trình chung sống ở xã Nà Hậu, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái anh C thường xuyên uống rượu, khi uống rượu xong về nhà là tìm lý do vô cớ để đánh chị D, một tháng anh C đánh chị từ 3 đến 4 lần, những lần bị đánh đó chị bị thương rất nặng, sưng hết mặt mũi, bầm tím hết cơ thể. Đến năm 2005, trong lúc làm nhà anh C thường hay đổ oan cho chị có quan hệ bất chính với thợ xây nhà và vô cớ chửi đánh chị, những lần bị đánh chị được làng xóm, anh em họ hàng can ngăn và khuyên giải nhưng anh C không thay đổi, sau nhiều lần chị bị anh C đánh thì chị không đồng ý ở thôn Nà Hậu, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái nữa, nên đầu năm 2010 chị quyết định trở về sinh sống ở Thôn P, xã S, huyện S, tỉnh Lào Cai. Khi về sống nhờ nhà cô em chồng, chị vẫn thường xuyên bị anh C đánh chửi vô cớ, mỗi lần đánh là anh C đều mang dao, gậy vụt vào người chị, có lần anh em bên nhà chồng còn gọi cả Công an xã đến giải quyết, nhưng anh C vẫn không thay đổi. Từ khi hai vợ chồng mua nhà, chuyển về nhánh 11, thôn Phố Cũ, xã Si Ma Cai sinh sống thì kể cả lúc tỉnh táo không có rượu trong người anh C cũng cầm dao hoặc gậy đánh hoặc đuổi đánh, truy tìm chị khắp nơi. Đến đầu năm 2016, anh C đi lái xe thuê và cặp bồ với người phụ nữ khác, chị không biết rõ là ai, từ đó gần như anh C không về nhà, không ăn cơm cùng với vợ con. Gần đây nhất là vào ngày 09/10/2017, anh C đi chơi về có đổ cho chị đi cặp bồ với người đàn ông khác, chị nói là không có, thì bị anh C đấm túi bụi vào đầu, vào mặt, con gái chị là cháu Giàng Thị D2 có nói là "Sao bố lại cứ đánh mẹ thế", thì cũng bị anh C đánh. Sau mỗi lần đánh chị như vậy, anh C đều chửi, đuổi, bắt chị phải đi Trung Quốc và nói nếu không đi thì sẽ gọi người đến đưa đi. Sau 17 năm chung sống với anh C đến nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng giữa chị và anh C thật sự không còn nên chị cương quyết đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Giàng A C, tên gọi khác Ngải Seo C.

- Về con chung, yêu cầu về nuôi con khi ly hôn: Chị D và anh C có ba con chung là các cháu Giàng Thị D2 sinh ngày 25/5/2001, cháu Giàng Thế H sinh ngày 08/7/2002 và cháu Giàng A P sinh ngày 02/10/2005 cả ba cháu đều khỏe mạnh và phát triển bình thường hiện nay đang ở cùng vợ chồng chị. Khi ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả ba cháu Giàng Thị D2, Giàng Thế H và Giàng A P, do cháu D2 đã gần đủ 18 tuổi nên chị không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng, chị chỉ yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi hai cháu H và cháu P mỗi cháu 1.000.000 đồng/ tháng cho đến khi hai cháu trưởng thành đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung, công nợ chung của vợ chồng chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Những tài liệu, chứng cứ chị Giàng Thị D đã nộp cho Tòa án để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình gồm: Trích lục kết hôn giữa chị và anh C; Bản sao Giấy khai sinh của các con; biên bản cam đoan của anh Giàng A C ngày 13/5/2009;

đơn xin xác nhận mâu thuẫn vợ chồng; đơn đề nghị xác nhận mức thu nhập của chị D thể hiện chị làm nghề hộ lý vệ sinh y tế tại Bệnh viên đa khoa huyện Si Ma Cai thu nhập được 3.350.000 đồng/ tháng; các tài liệu về nhân thân; đơn yêu cầu trợ gúp pháp lý, các Quyết định về việc bổ nhiệm và cấp thẻ trợ giúp viên pháp lý, quyết định về việc cử trợ giúp viên pháp lý tham gia tố tụng, thẻ trợ gúp viên pháp lý của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn; bản sao Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hôn nhân gia đình giữa chị và anh C; hợp đồng lao động của anh C với Công ty TNHH Tú Liên thể hiện anh C có mức lương chính 8.000.000 đồng/ tháng.

2. Đề nghị của bị đơn:

- Về quan hệ hôn nhân anh C trình bày và đề nghị: Anh và chị D về chung sống với nhau từ năm 1999, có được tổ chức chức cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương, đến ngày 02/11/2001 anh chị mới đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Si Ma Cai, huyện Si Ma Cai theo quy định của pháp luật và quá trình chung sống đến năm 2004 thì vợ chồng anh chuyển về thôn Nà Hậu, xã Nà Hậu, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái làm ăn, sinh sống như chị D trình bày là đúng. Còn về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng như chị Giàng Thị D trình bày anh có đánh chửi chị và khi anh đi lái xe thuê có cặp bồ với người phụ nữ khác là không đúng mà thực tế, anh và chị D chung sống hòa thuận hạnh phúc với nhau được hơn 10 năm, cho đến năm 2017 thì vợ chồng anh đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do khi anh đi lái xe thuê thì chị D có nghi ngờ anh ngoại tình với người khác nhưng thực tế không có gì, anh giải thích nhưng chị D không nghe, do đặc thù công việc anh đi làm ở xa mỗi khi gọi điện về cho chị D thì chị D lại chửi anh, ngoài ra khi anh giao lưu với bạn bè có uống vài chén rượu thì chị D gây sự chửi và đánh anh trước, anh bực quá mới tát chị D vài phát, thực tế trong cuộc sống gia đình vì lý do kinh tế mà có những lúc vợ chồng sô xát cãi chửi nhau, chị D cho rằng gia đình không có tiền anh lại hay uống rượu. Sự việc mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình động viên, hòa giải hai lần, ngày 13/5/2009 anh có viết bản cam kết là sẽ không đánh chị D nữa. Cuối năm 2017 chị D đã khởi kiện ly hôn anh một lần sau đó chị D suy nghĩ lại nên đã rút đơn về. Nay anh nhận thấy tuy vợ chồng có sảy ra mâu thuẫn nhưng anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, chưa đến mức độ trầm trọng nên anh không đồng ý ly hôn chị D.

- Về con chung, yêu cầu về nuôi con khi ly hôn: Quá trình chung sống vợ chồng anh có ba con chung, họ tên các cháu, ngày tháng năm sinh và hiện nay đang chung sống cùng vợ chồng anh chị như chị Giàng Thị D trình bày là đúng. Trường hợp ly hôn thì anh có nguyện vọng trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cả ba con chung mà không yêu cầu chị D phải cấp dưỡng tiền nuôi con.

- Về tài sản chung và công nợ chung của vợ chồng: Anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Những tài liệu, chứng cứ do bị đơn xuất trình để chứng minh cho đề nghị của bị đơn là có căn cứ và hợp pháp: Bị đơn không cung cấp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ gì.

Trong quá trình giải quyết vụ án. Tòa án đã tiến hành thủ tục kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vụ án nhưng các đương sự Giàng Thị D và Giàng A C, tên gọi khác là Ngải Seo C vẫn giữ nguyên toàn bộ yêu cầu, đề nghị của mình. Cụ thể:

Chị Giàng Thị D giữ nguyên yêu cầu là đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh C và được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cả ba con chung là các cháu Giàng Thị D2, Giàng Thế H và Giàng A P, yêu cầu anh C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai cháu H và cháu P mỗi cháu 1.000.000 đồng/ tháng cho đến khi hai cháu H và P đủ 18 tuổi.

Anh Giàng A C, tên gọi khác Ngải Seo C không đồng ý ly hôn chị Giàng Thị D. Trường hợp ly hôn thì về con chung anh C có nguyện vọng trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cả ba con chung, không yêu cầu chị D phải cấp dưỡng tiền nuôi con.

3. Biên bản lấy lời khai người làm chứng Giàng Thị D1 (bút lục 39) trình bày: Trong thời gian vợ chồng anh C và chị D ở nhờ nhà vợ chồng chị và cả khi mua nhà ra ở riêng gần nhà chị đã nhiều lần sau khi uống rượu xong anh C có đánh chửi chị Giàng Thị D.

4. Tại các Biên bản lấy lời khai ngày 03/7/2018 của các cháu cháu Giàng Thị D2, cháu Giàng Thế H và cháu Giàng A P là con chung của anh C, chị D các cháu đều trình bày sau khi bố mẹ ly hôn thì các cháu có nguyện vọng được trực tiếp ở cùng với mẹ hoặc với bố đều được vì cả bố và mẹ các cháu đều yêu thương, quan tâm, chăm sóc tốt cho các cháu.

5. Tại phiên tòa người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày ý kiến, quan điểm và đề nghị như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Áp dụng khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình. Xử cho chị Giàng Thị D ly hôn với anh Giàng A C, tên gọi khác Ngải Seo C.

- Về con chung: Áp dụng các Điều 81; 82; 83 của Luật hôn nhân và gia đình: Giao cả ba cháu Giàng Thị D2 sinh ngày 25/5/2001, cháu Giàng Thế H sinh ngày 08/7/2002 và cháu Giàng A P sinh ngày 02/10/2005 cho chị Giàng Thị D được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục. Anh Giàng A C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 cháu H và P mỗi cháu 1.000.000 đồng/ tháng cho đến khi hai cháu H và cháu P đủ 18 tuổi.

- Về quan hệ tài sản và quyền, nghĩa vụ về tài sản: Anh C và chị D đều không đề nghị Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

6. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

6.1. Về việc chấp hành luật tố tụng:

- Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi xét xử thấy rằng: Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Tòa án thụ lý, giải quyết đúng thẩm quyền. Về quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, thời

hạn chuẩn bị xét xử, thời hạn gửi hồ sơ và gửi văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát, việc tống đạt văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng đúng theo quy định của pháp luật.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm, về nguyên tắc xét xử, thành phần Hội đồng xét xử, sự có mặt của các thành viên Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Đối với đương sự từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, đương sự đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70,71,72,75,76 và Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

6.2. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Khoản 1 Điều 56, các Điều 81,82,83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Giàng Thị D được ly hôn với anh Giàng A C, tên gọi khác Ngải Seo C.

- Về nuôi con khi ly hôn:

Giao con chung cháu Giàng Thị D2 sinh ngày 25/5/2001 cho chị Giàng Thị D được trực tiếp trông nom, chăm sóc và giáo dục cho đến khi cháu D2 đủ 18 tuổi; Giao con chung cháu Giàng Thế H sinh ngày 08/7/2002 và cháu Giàng A P cho anh Giàng A C được trực tiếp trông nom, chăm sóc và giáo dục cho đến khi cháu H và cháu P đủ 18 tuổi.

Không bên nào phải cấp dưỡng tiền nuôi con.

- Về án phí: Đề nghị Tòa án xem xét nghĩa vụ chịu án phí đối với các đương sự theo quy định của pháp luật.

6. 3. Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm pháp luật: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Sau khi thụ lý vụ án nguyên đơn đã nhận đầy đủ các văn bản tố tụng dân sự và chấp hành đúng các quy định của pháp luật về khởi kiện, thụ lý vụ án, thủ tục hòa giải, chuẩn bị xét xử và phiên tòa sơ thẩm. Tòa án đã giao các văn bản tố tụng dân sự cho bị đơn, bị đơn đã đến Tòa án trình bày lời khai, đã tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Trước khi xét xử vụ án Tòa án đã giao cho bị đơn Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Giấy triệu tập hợp lệ nhưng tại phiên tòa bị đơn vắng mặt có đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vắng mặt. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị D và anh C về chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1999 trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương, đến ngày 02/11/2001 anh chị mới đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Si Ma Cai, huyện Si Ma Cai theo quy định của pháp luật. Tuy khi

kết hôn anh chị không đăng ký nhưng đến ngày 02/11/2001 anh chị đã đến UBND xã Si Ma Cai, huyện Si Ma Cai, tỉnh Lào Cai để đăng ký kết hôn. Do vậy quan hệ hôn nhân của anh chị được coi là hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Việc chị D kiện ly hôn anh C Tòa án xét thấy:

Quá trình chung sống, cuộc sống tình cảm vợ chồng giữa anh C và chị D hòa thuận hạnh phúc được một thời gian khá dài. Từ khi anh chị chuyển gia đình về thôn Nà Hậu, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái thì vợ chồng nghi ngờ lẫn nhau, tình cảm vợ chồng bắt đầu bị rạn nứt anh C thường xuyên uống rượu và đánh chửi chị D. Do không chịu đựng được nên đầu năm 2010 chị D quyết định trở về sinh sống tại Thôn P, xã S, huyện S, tỉnh Lào Cai ban đầu ở nhờ nhà em chồng và sau đó vợ chồng mua nhà tại nhánh 11, Thôn P, xã S, huyện S sinh sống, nhưng kể từ khi vợ chồng quay về xã Si Ma Cai sinh sống cho đến khi nộp đơn kiện ly hôn chị D vẫn thường xuyên bị anh C đánh chửi, sự việc đã được Công an xã đến giải quyết và anh C đã viết bản cam đoan vào ngày 13/5/2009 thừa nhận: "đã nhiều lần đánh và chửi vợ, bản thân tôi đã nhiều lần uống rượu say về nhà đã có hành vi đánh vợ và chửi con cái trong gia đình và xin hứa từ nay trở đi sẽ không đánh chửi vợ con nữa, nếu có hành vi đánh chửi vợ con thì sẽ chịu trách nhiệm trước pháp luật". Gần đây ngày 09/10/2017 anh C đi chơi về có đổ cho chị D đi cặp bồ với người khác đã đấm túi bụi vào đầu, vào mặt chị, con gái anh chị là cháu Giàng Thị D2 can ngăn thì cũng bị anh C đánh. Ngoài ra do mâu thuẫn vợ chồng nên vào cuối năm 2017 chị D đã 01 lần kiện ly hôn anh C sau đó đã rút đơn về, Tòa án ra Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 01/2018/QĐST-HNGĐ ngày 15/1/2018. Như vậy có đủ cơ sở để khẳng định tình cảm vợ chồng giữa anh Giàng A C và chị Giàng Thị D lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử cần áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình xử cho chị Giàng Thị D được ly hôn với anh Giàng A C, tên gọi khác Ngải Seo C là phù hợp.

[3] *Về nuôi con khi ly hôn*: Quá trình chung sống anh Giàng A C và chị Giàng Thị D có 03 con chung là các cháu Giàng Thị D2 sinh ngày 25/5/2001, cháu Giàng Thế H sinh ngày 08/7/2002 và cháu Giàng A P sinh ngày 02/10/2005 cả ba cháu đề khỏe mạnh và phát triển bình thường hiện nay đang ở cùng anh chị. Chị D có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả ba cháu Giàng Thị D2, Giàng Thế H và Giàng A P, do cháu D2 đã gần đủ 18 tuổi chị không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng, chị chỉ yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi hai cháu H và cháu P mỗi cháu 1.000.000 đồng/ tháng cho đến khi hai cháu P và H trưởng thành đủ 18 tuổi. Trường hợp vợ chồng ly hôn anh C có nguyện vọng trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cả ba cháu Giàng Thị D2, Giàng Thế H và Giàng A P không yêu cầu chị D phải cấp dưỡng tiền nuôi con.

Xét thấy cả anh C và chị D đều là lao động chính có chỗ ở, việc làm và thu nhập ổn định. Anh Giàng A C làm nghề lái xe thu nhập hàng tháng được 8.000.000 đồng còn chị D làm nghề hộ lý vệ sinh y tế tại Bệnh viện S, tỉnh Lào Cai thu nhập hàng tháng được 3.350.000 đồng; về nguyện vọng của cả 3 con khi bố mẹ ly hôn thì

ở với bố hoặc với mẹ đều được; anh C và chị D đều có nguyện vọng được nuôi con sau khi ly hôn; xét đến quyền lợi về mọi mặt, sự phát triển của các cháu và điều kiện thu nhập của các bên Hội đồng xét xử giao cháu Giàng Thế H sinh ngày 08/7/2002 và cháu Giàng A P sinh ngày 02/10/2005 cho anh Giàng A C được trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng; Giao cháu Giàng Thị D2 sinh ngày 25/5/2001 cho chị Giàng Thị D được trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] *Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con khi ly hôn*:

Chị Giàng Thị D trực tiếp nuôi dưỡng cháu Giàng Thị D2, chị D chỉ có mức thu nhập hàng tháng 3.350.000 đồng; anh Giàng A C trực tiếp nuôi dưỡng cháu Giàng Thế H và cháu Giàng A P, anh C có mức thu nhập hàng tháng được 8.000.000 đồng và trong trường hợp ly hôn anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả ba con chung không yêu cầu chị D phải cấp dưỡng tiền nuôi con. Nên việc Hội đồng xét xử xét thấy giao cháu D2 cho chị D, giao cháu H và cháu P cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp đảm bảo về quyền lợi và sự phát triển của các cháu.

[5] *Về tài sản chung và quyền, nghĩa vụ chung về tài sản*: Chị Giàng Thị D và anh Giàng A C không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[6] *Về nghĩa vụ chịu án phí*: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Khoản 1 Điều 56, các Điều 81; 82; 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Xử cho chị Giàng Thị D được ly hôn với anh Giàng A C, tên gọi khác Ngải Seo C.

2. *Về nuôi con sau khi ly hôn*:

Giao cháu Giàng Thị D2 sinh ngày 25/5/2001 cho chị Giàng Thị D được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cho đến khi cháu D2 đủ 18 tuổi; Giao cháu Giàng Thế H sinh ngày 08/7/2002 và cháu Giàng A P cho anh Giàng A C được trực tiếp trông nom, chăm sóc và giáo dục cho đến khi cháu H và cháu P đủ 18 tuổi. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. *Về án phí*:

Chị Giàng Thị D phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là

300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0003711 ngày 12/6/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Si Ma Cai, tỉnh Lào Cai. Chị D đã nộp đủ tiền án phí.

4. *Quyền kháng cáo đối với bản án*: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh;
- VKS ND H. Si Ma Cai (2);
- Chi cục THADS H. Si Ma Cai;
- UBND xã Si Ma Cai;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án, VP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Bình Trọng

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Ngô Tiến Sơn Vàng Thị Mai Trần Bình Trọng

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẢO YÊN
TỈNH LÀO CAI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tư do – Hạnh phúc

Bản án số: 09/2015/HNGĐ – ST
Ngày: 28/9/2015
V/ v: "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con, chia tài sản chung*".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO YÊN, TỈNH LÀO CAI
Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Duy Dũng
- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trịnh Công Nanh

2. Ông Bàn Văn Tiến

- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa: Bà Hồ Hà Hải Huyền – Kiểm sát viên viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai

- Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Trần Bình Trọng – Cán bộ Toà án nhân dân huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai.

Ngày 28 tháng 9 năm 2015 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai xét xử công khai sơ thẩm vụ án thụ lý số: 57/2015/TLST – HNGĐ, ngày 09 tháng 7 năm 2015 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con, chia tài sản chung khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2015/QĐST – HNGĐ, ngày 18 tháng 9 năm 2015 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lý Thị Minh sinh năm 1989.

Hiện trú tại: Bản 1AB, xã Kim Sơn, huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai.

2. Bị đơn: Anh Lục Thế Anh sinh năm 1985.

Trú tại: Tổ 8A, thị trấn Phố Ràng, huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai.

NHẬN THẤY

Trong đơn khởi kiện ngày 08 tháng 7 năm 2015 và tại các bản khai nguyên đơn là chị Lý Thị Minh trình bày:

Tôi và anh Lục Thế Anh tự do tìm hểu yêu thương nhau sau đó làm thủ tục Đăng ký kết hôn vào ngày 13 tháng 3 năm 2007 tại UBND thị trấn Phố Ràng, huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai. Ngay sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc chỉ được một thời gian ngắn thì đã phát sinh mâu thuẫn nhưng nghĩ vợ chồng mới cưới nên tôi bỏ qua để cùng nhau khắc phục, cho đến tháng 6 năm 2015 vợ chồng tôi lại phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Thế Anh ghen tuông vô cớ, sau khi uống rượu anh Thế Anh đánh đập vợ con nhiều lần tàn nhẫn và luôn gây bạo lực gia đình. Việc mâu thuẫn vợ chồng sảy ra đã được hai bên gia đình khuyên giải nhưng anh Thế Anh không sửa chữa, khắc phục mâu thuẫn vẫn sảy ra. Do mâu thuẫn căng thẳng mà từ tháng 6 năm 2015 cho đến nay vợ chồng tôi sống ly thân không quan tâm đến nhau. Anh Thế Anh sống tại tổ 8A, thị trấn Phố Ràng, huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai còn tôi sống tại bản 1AB, xã Kim Sơn, huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai. Vì vậy nay tôi vẫn giữ nguyên yêu cầu của mình là đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Lục Thế Anh.

Về con chung: Quá trình chung sống đến nay vợ chồng tôi có 01 con chung tên là Lục Mai Phương sinh ngày 19/6/2010 cháu khỏe mạnh phát triển tốt hiện nay đang ở cùng tôi. Sau khi ly hôn tôi có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lục Mai Phương và yêu cầu anh Lục Thế Anh phải cấp dưỡng nuôi cháu Lục Mai Phương 1.000.000 đồng/ tháng.

Về tài sản chung của vợ chồng gồm:

+ 01 chiếc xe máy HonDa Wei màu sơn đỏ đen BKS: 24Y1 – 07619 đã cũ đăng ký tên Lý Thị Minh trị giá 12.000.000 đồng;

+ 01 chiếc tủ kệ gỗ ép đã cũ trị giá 2.000.000 đồng;

+ 01 chiếc ti vi Sony 21 inh đã cũ trị giá 1.000.000 đồng. Tổng trị giá tài sản chung là 15.000.000 đồng. Sau khi ly hôn tôi có nguyện vọng được sử dụng chiếc xe máy HonDa Wei màu sơn đỏ đen BKS: 24Y1 – 07619.

Tại các bản khai của bị đơn Lục Thế Anh trình bày về quan hệ hôn nhân anh đồng ý với chị Minh về thời gian, địa điểm Đăng ký kết hôn. Riêng về nguyên nhân mâu thuẫn anh trình bày chỉ đánh chị Minh 01 lần tại lán khi vợ chồng đi làm xây dựng thuê. Nay chị Minh kiện ly hôn anh không đồng ý mà mong muốn vợ chồng đoàn tụ.

Về con chung: Tại bản khai ngày 10/7/2015 anh Thế Anh trình bày anh chị chỉ có 01 con chung là cháu Lục Mai Phương sinh ngày 19 tháng 6 năm 2010, trường hợp vợ chồng ly hôn thì anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lục Mai Phương không yêu cầu chị Minh phải cấp dưỡng nuôi cháu Phương. Tại các bản khai ngày 27/7/2015, ngày 25/8/2015 anh Anh đồng ý trường hợp mà ly hôn thì để chị Minh trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng con. Việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của Pháp luật.

Về tài sản chung:

+ 01 chiếc xe máy HonDa Wei màu sơn đỏ đen BKS: 24Y1 – 07619 đã cũ đăng ký tên Lý Thị Minh trị giá 10.000.000 đồng (chị Minh trình bày 12.000.000đ)

+ 01 chiếc tủ kệ gỗ ép đã cũ trị giá 2.000.000 đồng;

+ 01 chiếc ti vi Sony 21 inh đã cũ trị giá 1.000.000 đồng. Tổng trị giá tài sản chung là 13.000.000 đồng.

XÉT THẤY

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

Chị Lý Thị Minh và anh Lục Thế Anh đăng ký kết hôn ngày 13 tháng 3 năm 2007 tại UBND thị trấn Phố Ràng, huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có được tìm hiểu yêu thương nhau trước khi kết hôn; khi kết hôn anh chị đủ tuổi theo luật định. Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa hai anh chị là hoàn toàn đúng pháp luật.

Cuộc sống chung của vợ chồng anh chị hạnh phúc được khoảng một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn sau đó anh chị tự khắc phục. Cho đến tháng 6 năm 2014 do ghen tuông vô cớ anh Thế Anh đã uống rượu và đánh đập vợ con sau đó đã làm bản cam kết là từ nay uống rượu không bao giờ đánh đập vợ con và không ghen tuông nữa bên nào sai phải chịu trách nhiệm. Tại biên bản lấy lời khai ngày 10/7/2015 anh Thế Anh thừa nhận có đánh vợ 01 lần tại lán khi anh chị đi làm xây dựng thuê. Từ tháng 6 năm 2015 cho đến nay anh chị sống ly thân nhau. Xét thấy vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục

đích hôn nhân không đạt được nên xử cho chị Lý Thị Minh được ly hôn anh Lục Thế Anh là phụ hợp với quy định của Pháp luật.

Về con chung anh chị có 01 con chung là con gái tên là Lục Mai Phương sinh ngày 19/6/2010 hiện tại đang ở cùng chị Minh, nguyện vọng của chị Minh được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phương và có đề nghị anh Thế Anh cấp dưỡng nuôi cháu Phương 1.000.000 đồng/ tháng. Trường hợp ly hôn anh Thế Anh đồng ý để chị Minh nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con đề nghị Tòa án giải quyết theo luật định. Xét yêu cầu của chị Minh là phù hợp với quy định của Pháp luật do vậy cần giao cháu Phương cho chị Minh tiếp tục nuôi dưỡng giáo dục. Việc cấp dưỡng nuôi con qua điều tra thu thập chứng cứ anh chị đều làm nghề tự do, thu nhập của chị Lý Thị Minh làm nghề bán hàng tạp hóa tại xã trung bình được 3.000.000 đồng/ tháng; anh Thế Anh làm nghề xây dựng thuê công việc không ổn định thu nhập được 3.500.000 đồng/ tháng. Do vậy việc chị Minh đề nghị anh Thế Anh cấp dưỡng cho cháu Lục Mai Phương vào thời điểm hiện tại là cao so với mức thu nhập của anh Anh.

Về tài sản chung:

Anh chị có 01 chiếc xe máy HonDa Wei màu sơn đỏ đen BKS: 24Y1 – 07619 đã cũ đăng ký tên Lý Thị Minh tại buổi hòa giải anh chị cùng thống nhất chiếc xe trị giá 10.000.000 đồng; ngoài ra còn 02 loại tài sản là 01 chiếc tủ kệ gỗ ép và 01 chiếc ti vi Sony 21 inh đều đã cũ chị Lý thị Minh xin rút yêu cầu đề nghị Tòa án giải quyết về 02 loại tài sản này là phù hợp với quy định của Pháp luật nên Tòa án không giải quyết. Chị Minh có nguyện vọng được sử dụng chiếc xe máy HonDa Wei màu sơn đỏ đen BKS: 24Y1 – 07619 trị giá 10.000.000 đồng và trích chia cho anh Anh số tiền chênh lệch 5.000.000 đồng. Xét đây là tài sản chung của vợ chồng nên việc chị Minh chia cho anh Anh ½ số tiền trị giá chiếc xe là phù hợp với quy định tại khoản 2, 3 Điều 59 Luật Hôn nhân gia đình.

Về án phí: Các đương sự phải chịu theo quy định của Pháp luật.

Tại phiên tòa đại diện VKS nhân dân huyện Bảo Yên có ý kiến về việc tuân theo pháp luật: Từ khi thụ lý đến khi xét xử vụ án, Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 41 Bộ luật tố tụng dân sự. Việc tuân theo Pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký tại phiên tòa ngày hôm nay đảm bảo đúng thành phần xét xử, chấp hành đúng nguyên tắc xét xử độc lập, công khai, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 131 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án; Điều 56;59;81;82;83 Luật Hôn nhân và gia đình.

1. Về quan hệ hôn nhân:

Xử cho chị Lý Thị Minh được ly hôn anh Lục Thế Anh.

2. Về con chung:

Giao cháu Lục Mai Phương cho chị Lý Thị Minh trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Lục Thế Anh có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Lục Mai Phương 700.000 đồng (bảy trăm nghì đồng)/ tháng cho đến Khi cháu Lục Mai Phương đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn anh Lục Thế Anh có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung:

Chị Lý Thị Minh được sở hữu chiếc xe máy HonDa Wei màu sơn đỏ đen BKS: 24Y1 – 07619 đăng ký tên Lý Thị Minh trị giá 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) và trích chia cho anh Anh số tiền chênh lệch 5.000.000 đồng.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành không chịu thi hành thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu số tiền lãi của số tiền tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước quy định tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

4. Về án phí:

Chị Lý Thị Minh phải chịu 200.000 đồng tiền án phí ly hôn và 250.000 đồng tiền án phí chia tài sản chung. Tổng cộng chị Minh phải chịu 450.000đ (bốn trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí DSST. Chị Lý thị Minh được hoàn lại 125.000đ (một trăm hai mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 000965 ngày 09 tháng 7 năm 2015 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai.

Anh Lục Thế Anh phải chịu 250.000đ (hai trăm lăm mươi nghìn đồng) tiền án phí chia tài sản chung và 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con. Tổng cộng anh Lục Thế Anh phải chịu 450.000 đồng (bốn trăm lăm mươi nghìn đồng) tiền án phí DSST.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, bị đơn. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ